

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

1. Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

a) Cấp xã loại 1, loại 2 được bố trí 11 cán bộ; cấp xã loại 3 được bố trí 10 cán bộ. Cụ thể như sau:

Loại 1, loại 2	Loại 3
01 Bí thư Đảng ủy	01 Bí thư Đảng ủy
01 Phó Bí thư Đảng ủy	01 Phó Bí thư Đảng ủy
01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân
01 Chủ tịch Ủy ban nhân dân	01 Chủ tịch Ủy ban nhân dân
02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
01 Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	01 Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
01 Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	01 Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
01 Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	01 Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
01 Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam	01 Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam
01 Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh Việt Nam	01 Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh Việt Nam

2. Sửa đổi điểm a và bổ sung điểm a1 vào khoản 2 như sau:

a) Xã, thị trấn loại 1 được giao 11 công chức; xã, thị trấn loại 2 được giao 09 công chức; xã, thị trấn loại 3 được giao 08 công chức. Cụ thể như sau:

Loại 1	Loại 2	Loại 3
02 Tài chính - kế toán	01 Tài chính - kế toán	01 Tài chính - kế toán
02 Tư pháp - hộ tịch	01 Tư pháp - hộ tịch	01 Tư pháp - hộ tịch
02 Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)	01 Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)	01 Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)
02 Văn phòng - Thống kê	01 Văn phòng - Thống kê	02 Văn phòng - Thống kê
02 Văn hóa - xã hội	01 Văn hóa - xã hội	02 Văn hóa - xã hội
01 Chỉ huy trưởng Quân sự	01 Chỉ huy trưởng Quân sự	01 Chỉ huy trưởng Quân sự
	03 công chức được bố trí thêm vào các chức danh nêu trên (trừ chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự), đảm bảo mỗi chức danh không quá 02 công chức	

a1) Phường loại 1 được giao 12 công chức; phường loại 2 được giao 10 công chức; phường loại 3 được giao 09 công chức. Cụ thể như sau:

Loại 1	Loại 2	Loại 3
02 Tài chính - kế toán	01 Tài chính - kế toán	01 Tài chính - kế toán
02 Tư pháp - hộ tịch	02 Tư pháp - hộ tịch	01 Tư pháp - hộ tịch
02 Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	02 Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	01 Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường
02 Văn phòng - Thống kê	02 Văn phòng - Thống kê	02 Văn phòng - Thống kê
02 Văn hóa - xã hội	02 Văn hóa - xã hội	02 Văn hóa - xã hội
01 Chỉ huy trưởng Quân sự	01 Chỉ huy trưởng Quân sự	01 Chỉ huy trưởng Quân sự
01 công chức được bố trí thêm vào các chức danh nêu trên (trừ chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự)		01 công chức được bố trí thêm vào các chức danh nêu trên (trừ chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự), đảm bảo mỗi chức danh không quá 02 công chức

3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 2.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /-th

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC(N).

12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vĩnh